

Số 744/TB-QLCL

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2020

THÔNG BÁO

Kế hoạch xác nhận kiến thức ATTP trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về Phân công, phân cấp nhiệm vụ quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 788/HD-QLCL ngày 17/10/2014 của Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội về hướng dẫn tổ chức thực hiện kiểm tra xác nhận kiến thức ATTP cho người sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc đối tượng quản lý của Chi cục QLCL Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội;

Căn cứ hồ sơ xác nhận kiến thức ATTP trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản của cơ sở và chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội về phòng chống dịch bệnh COVID-19.

Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội thông báo cho các cơ sở (tài phụ lục đính kèm) về kế hoạch xác nhận kiến thức ATTP như sau:

1. Nội dung:

Kiểm tra kiến thức ATTP gồm hai phần: kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về ATTP tại Quyết định số 381/QĐ-QLCL của Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

2. Địa điểm:

Hội trường Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội, địa chỉ: số 143 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội.

3. Thời gian: ngày 16 tháng 10 năm 2020 (thứ 6).

- + Ca 1: 14h00' đến 15h00', từ số thứ tự 01 đến số thứ tự 55;
- + Ca 2: 15h00' đến 16h00', từ số thứ tự 56 đến số thứ tự 111;
- + Ca 3: 16h00' đến 17h00', từ số thứ tự 112 đến số thứ tự 162;

4. Phân công tổ chức thực hiện: có danh sách kèm theo.

5. Thu phí:

Tổ chức, cá nhân đăng ký hồ sơ nộp phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP tại Bộ phận một cửa của Chi cục.

6. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận kiến thức

Tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận kiến thức trước khi vào cơ quan thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 theo hướng dẫn của cơ quan Y tế.

Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội thông báo đề các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Theo danh sách;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Phòng chuyên môn, bộ phận;
- Website Chi cục;
- Lưu VT, QLCL. 

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Ngô Đình Loát

Phụ lục: DANH SÁCH THAM GIA XÁC NHẬN KIẾN THỨC ATTP NGÀY 16/10/2020

(Kèm theo Thông báo số: 744/TB - QLCL ngày 14/10/2020 của Chi cục QLCL NLS & TS)

STT	Họ và tên	Nam /Nữ	Chứng minh thư nhân dân		
			Số CMND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp
I	Công ty cổ phần thương mại và đầu tư K.L.E.V.E Lô A2, CN5 cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội				
1	Vũ Thị Ngọc	Nữ	163391238	11/10/2013	CA. Tỉnh Nam Định
2	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	013050667	03/4/2008	CA. TP Hà Nội
3	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	152086615	08/9/2010	CA. Tỉnh Thái Bình
4	Ngô Thị Thu Hường	Nữ	163340320	23/8/2012	CA. Tỉnh Nam Định
5	Trần Thị Thu Thảo	Nữ	071045563	25/6/2018	CA. Tỉnh Tuyên Quang
6	Quách Thị Ánh	Nữ	174842707	10/8/2014	CA. Tỉnh Thanh Hóa
7	Bạch Thái Đức	Nam	125702710	31/5/2012	CA. Tỉnh Bắc Ninh
8	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	035199001371	29/8/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
9	Trương Ngọc Ánh	Nữ	013507889	23/02/2012	CA. TP Hà Nội
10	Bùi Thị Hương	Nữ	113714361	09/12/2014	CA. Tỉnh Hòa Bình
11	Đỗ Thị Tươi Thắm	Nữ	033301002895	12/5/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
12	Nguyễn Hoàng Trang	Nữ	061106551	01/6/2016	CA. Tỉnh Yên Bái
13	Nguyễn Thị Yến	Nữ	001198013354	15/3/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
14	Hà Thị Thúy Vân	Nữ	132356895	11/5/2020	CA. Tỉnh Phú Thọ
15	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	001199000034	25/3/2013	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
16	Nguyễn Kiều Oanh	Nữ	035190001567	27/4/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

17	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	035301002883	15/6/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
18	Trần Thị Ngân	Nữ	036301008222	05/7/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
19	Nguyễn Hương Giang	Nữ	001198008812	25/9/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
20	Phạm Thị Quỳnh	Nữ	145811877	26/02/2013	CA. Tỉnh Hưng Yên
21	Lê Tuấn Anh	Nam	012990011	25/6/2007	CA. TP Hà Nội
22	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	001193005522	08/02/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
23	Đinh Thị Vinh	Nữ	017514410	27/12/2013	CA. TP Hà Nội
24	Nguyễn Thị Yến	Nữ	001197017653	02/5/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
25	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	038198003431	20/4/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
26	Đinh Thị Kiều	Nữ	085069688	09/10/2019	CA. Tỉnh Cao Bằng
27	Đinh Phương Anh	Nữ	013538695	19/5/2012	CA. TP Hà Nội
28	Trần Thu Phương	Nữ	034199004574	02/3/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
29	Trần Thị Hào	Nữ	135874969	25/9/2013	CA. Tỉnh Vĩnh Phúc
30	Phạm Thị Thảo	Nữ	034300003029	29/01/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
31	Mai Thị Thủy	Nữ	174746132	01/01/2014	CA. Tỉnh Thanh Hóa
32	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	001197010221	25/9/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
33	Trịnh Quang Minh	Nam	001095008255	19/4/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

34	Nguyễn Thị Tú Anh	Nữ	001301006663	14/10/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
35	Nguyễn Thị Tĩnh	Nữ	125842592	12/01/2015	CA. Tỉnh Bắc Ninh
36	Phạm Thu Thủy	Nữ	132352432	20/10/2017	CA. Tỉnh Phú Thọ
37	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	036199003844	26/7/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
38	Đinh Giang Linh	Nữ	036196002402	08/12/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
39	Lê Thanh Hải	Nam	013276752	05/5/2010	CA. TP Hà Nội
40	Lê Thị Thanh Bình	Nữ	122294953	12/6/2015	CA. Tỉnh Bắc Giang
II	Công ty cổ phần CICI Thượng Đình Yên Số 33 Đặng Văn Ngữ, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội				
41	Trần Minh	Nam	001089000610	18/10/2019	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
III	Công ty TNHH xuất nhập khẩu thương mại An Minh Số 20, ngõ 145 Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội				
42	Nguyễn Hồng Thái	Nam	013006599	03/5/2013	CA. TP Hà Nội
43	Lã Thanh Huyền	Nữ	013333652	01/9/2010	CA. TP Hà Nội
IV	Địa điểm kinh doanh số 6 - Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ F99 168 Thái Hà, phường Trung Liet, quận Đống Đa, Hà Nội				
44	Nguyễn Minh Diện	Nam	038201018416	24/12/2018	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
45	Lương Thị Ánh Hồng	Nữ	036195000072	25/6/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
V	Địa điểm kinh doanh số 3 - Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ F99 Số 6, ngõ 102 Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội				
46	Phạm Thị Liên	Nữ	036189006372	12/3/2019	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

47	Nguyễn Thị Mai Chi	Nữ	013696770	05/4/2014	CA. TP Hà Nội
VI	Địa điểm kinh doanh số 7 - Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ F99 Số 180 Phạm Văn Đồng, tổ 1, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội				
48	Hoàng Thị Như Quỳnh	Nữ	194612691	26/8/2013	CA. Tỉnh Quảng Bình
49	Trần Văn An	Nam	197455229	28/10/2019	CA. Tỉnh Quảng Trị
VII	Công ty cổ phần đầu tư Tâm Đạt Số 9, ngõ 12, phố Chính Kinh, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội				
50	Thái Anh Tuấn	Nam	042082000428	26/01/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
51	Nguyễn Thị Hà	Nữ	001191017287	02/3/2020	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
52	Trần Thị Thu Hoài	Nữ	035194002330	22/8/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
53	Lương Thị Châm	Nữ	082274542	15/3/2012	CA. Tỉnh Lạng Sơn
54	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	044197001377	30/4/1997	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
55	Lê Thị Ngọc Bích	Nữ	173016889	07/7/2012	CA. Tỉnh Thanh Hóa
VIII	Công ty TNHH sản xuất và xuất nhập khẩu thực phẩm Xanh Số 8 ngõ 56/173, tổ 1 phố Thạch Cầu, phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội				
56	Lê Hồng Chiến	Nam	173251474	20/11/2012	CA. Tỉnh Thanh Hóa
57	Trịnh Thanh Long	Nam	172610224	30/9/2015	CA. Tỉnh Thanh Hóa
58	Trịnh Đình Thi	Nam	173251475	20/11/2012	CA. Tỉnh Thanh Hóa
IX	Công ty cổ phần thực phẩm Hương Sơn Thôn Ước Lễ, xã Tân Ước, huyện Thanh Oai, Hà Nội				
59	Nguyễn Thị Phương	Nữ	014190000176	01/02/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
60	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	001177009365	27/5/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

61	Nguyễn Thùy Chi	Nữ	001183002853	24/7/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
62	Bùi Văn Huynh	Nam	037078002821	08/4/2019	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
63	Nguyễn Thị Thúy Hà	Nữ	111281337	16/02/2009	CA. TP Hà Nội
64	Lê Thị Hà	Nữ	001183015781	23/5/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
65	Nguyễn Thị Sơn	Nữ	164347154	25/8/2005	CA. Tỉnh Ninh Bình
66	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	001174014149	19/6/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
67	Nguyễn Thị Biên	Nữ	019184000385	27/6/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
68	Phạm Văn Hiệu	Nam	012876790	29/5/2006	CA. TP Hà Nội
69	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	001189007665	29/6/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
70	Nguyễn Duy Hùng	Nam	001083005077	29/02/2019	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
71	Đỗ Thị Kiểm	Nữ	001182015841	27/5/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
72	Nguyễn Thị Thúy Liễu	Nữ	025180000372	30/5/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
73	Đỗ Thị Bích	Nữ	012106154	29/3/2014	CA. TP Hà Nội
74	Phạm Văn Huy	Nam	164174842	01/8/2001	CA. Tỉnh Ninh Bình
75	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	036183003325	05/7/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
76	Lương Thị Mỹ	Nữ	013232932	17/12/2009	CA. TP Hà Nội
77	Chu Thị Hương	Nữ	025176000042	09/6/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

78	Lê Thị Thu Huyền	Nữ	001184022226	17/4/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
79	Nguyễn Thị Hương	Nữ	001177004403	04/5/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
80	Vũ Hải Vân	Nữ	001189002026	28/10/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
81	Nguyễn Thị Như Trang	Nữ	012018288	24/4/2011	CA. TP Hà Nội
82	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	001186015643	14/4/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
83	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	001175008360	04/4/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
84	Nguyễn Văn Tung	Nam	001078001850	03/7/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
85	Phạm Thị Kim Hoàn	Nữ	090915870	26/8/2010	CA. Tỉnh Thái Nguyên
86	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	001178009274	30/5/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
87	Ngô Quang Đức	Nam	131511079	18/02/2012	CA. Tỉnh Phú Thọ
88	Phạm Thị Phương	Nữ	162257612	22/4/2008	CA. Tỉnh Nam Định
89	Nguyễn Quang Doanh	Nam	091063480	22/10/2013	CA. Tỉnh Thái Nguyên
90	Vũ Dương Tiến	Nam	001081013655	27/5/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
91	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	012780380	23/6/2011	CA. TP Hà Nội
92	Đặng Hồng Sơn	Nam	111191367	24/10/2009	CA. TP Hà Nội
93	Trần Thị Thủy Hiền	Nữ	011953374	25/12/2010	CA. TP Hà Nội
94	Đinh Thị Huyền	Nữ	037176000083	31/7/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
95	Nguyễn Văn Lĩnh	Nam	001084010917	05/10/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

96	Nguyễn Đức Anh	Nam	012560945	18/5/2013	CA. TP Hà Nội
97	Chữ Thị Quỳnh Anh	Nữ	093048904	05/3/2008	CA. TP Hà Nội
98	Đỗ Văn Nghiệp	Nam	152131320	28/5/2011	CA. Tỉnh Thái Bình
99	Nguyễn Văn Thảo	Nam	060856556	25/8/2006	CA. Tỉnh Yên Bái
100	Nguyễn Văn Tới	Nam	164431019	25/3/2014	CA. Tỉnh Ninh Bình
101	Phùng Duy Nghiên	Nam	001201003587	23/9/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
102	Hà Văn Thương	Nam	061121498	04/01/2017	CA. Tỉnh Yên Bái
103	Phạm Ngọc Hà	Nữ	014181000065	08/6/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
104	Nguyễn Anh Quân	Nam	013677877	24/02/2014	CA. TP Hà Nội
105	Trần Thị Thoa	Nữ	001187002133	23/10/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
106	Nguyễn Thị Hương	Nữ	091638972	08/6/2010	CA. Tỉnh Thái Nguyên
107	Đoàn Thị Thanh Huê	Nữ	036195000157	25/02/2019	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
108	Đỗ Thị Hương	Nữ	012978977	25/6/2007	CA. TP Hà Nội
109	Nguyễn Thị Mơ	Nữ	036184014410	31/7/2020	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
110	Nguyễn Hồng Thúy	Nữ	001182015936	02/6/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
111	Đỗ Thị Hạnh	Nữ	012160949	27/5/2011	CA. TP Hà Nội
X	Công ty TNHH đầu tư và phát triển King Kong Lô DM 12-11, khu tiểu thủ công nghiệp Làng nghề Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội				
112	Lê Hồng Quân	Nam	121663155	27/4/2007	CA. Tỉnh Bắc Giang
113	Nguyễn Thị Thanh Dung	Nữ	001187018441	05/01/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
114	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	017391628	09/5/2012	CA. TP Hà Nội

XI	Công ty cổ phần AI Thửa đất 181, thôn Độc Lập, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội				
115	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	034185007215	20/4/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
116	Tạ Thị Vân Anh	Nữ	037182000361	16/11/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
117	Trịnh Thiên Hương	Nữ	091763028	09/11/2011	CA. Tỉnh Thái Nguyên
XII	Công ty cổ phần Organic Green Nut Số nhà 877 đường Phúc Diễn, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội				
118	Hà Công Nghiêm	Nam	113440083	21/10/2019	CA. Tỉnh Hòa Bình
119	Hoàng Thanh Tuyền	Nam	082052937	09/4/2013	CA. Tỉnh Lạng Sơn
XIII	Công ty TNHH thương mại quốc tế Phú Lâm Tầng 5, tháp B, tòa nhà CT2 - The Light, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội				
120	Đỗ Viết Quý	Nam	125607950	24/02/2011	CA. Tỉnh Bắc Ninh
121	Phạm Văn Linh	Nam	001092024504	05/9/2019	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
122	Nguyễn Xuân Hưng	Nam	001200021468	15/6/2016	CA. TP Hà Nội
123	Vương Thị Dung	Nữ	125365403	21/7/2006	CA. Tỉnh Bắc Ninh
124	Nguyễn Danh Tuấn	Nam	125025459	15/5/2019	CA. Tỉnh Bắc Ninh
125	Hồ Trọng Hưng	Nam	186278948	27/7/2010	CA. Tỉnh Nghệ An
126	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	125400083	10/4/2007	CA. Tỉnh Bắc Ninh
127	Đỗ Thị Hiền	Nữ	034188006002	03/01/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
128	Hoàng Hữu Bảo	Nam	090882561	21/8/2010	CA. Tỉnh Thái Nguyên
129	Phạm Văn Tuyên	Nam	017233539	14/11/2012	CA. TP Hà Nội
130	Tạ Thị Thúy Nga	Nữ	001193003109	07/9/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

131	Bùi Văn Sinh	Nam	001090003130	09/12/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
132	Nguyễn Dương Hòa	Nam	017084000020	15/5/2014	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
133	Trần Văn Tuấn		034081007772	28/11/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
XIV	Công ty cổ phần thương mại Thành Thành Công - Chi nhánh Miền Bắc Lầu 7, tòa nhà CDS Tower, 477 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội				
134	Nguyễn Văn Lượng	Nam	001092005379	26/5/2015	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
135	Nguyễn Hữu Đương	Nam	001086013237	07/7/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
XV	Công ty TNHH Sâm Quốc Tuấn 1905 Số 158 Bà Triệu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội				
136	Hà Quốc Tuấn	Nam	001082031655	10/4/2019	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
137	Nông Thị Tuyên	Nữ	082002574	15/10/2018	CA. Tỉnh Lạng Sơn
138	Thành Thị Diệu Huyền	Nữ	012195889	09/4/2011	CA. TP Hà Nội
XVI	Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Cống Vàng Số 60 Giang Văn Minh, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội				
139	Kiều Thị Hà	Nữ	112100247	10/10/2003	CA. TP Hà Nội
140	Nguyễn Đạt Hoàng	Nam	112430328	27/9/2012	CA. TP Hà Nội
141	Nguyễn Thế Tường	Nam	017346040	07/12/2011	CA. TP Hà Nội
142	Nguyễn Thị Vân	Nữ	001300026382	22/5/2017	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
143	Nguyễn Thị Phương Huyền	Nữ	017080604	01/8/2009	CA. TP Hà Nội
144	Cao Văn Nghĩa	Nam	001098006886	28/5/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

145	Nguyễn Việt Thiện	Nam	017065144	05/7/2009	CA. TP Hà Nội
146	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	001202005124	12/7/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
147	Đỗ Thị Thu Uyên	Nữ	0168608462	28/11/2014	CA. Tỉnh Hà Nam
148	Nguyễn Văn Thắng	Nam	001203025306	17/5/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
149	Đặng Thị Bình	Nữ	0186243355	17/4/2017	CA. Tỉnh Nghệ An
150	Nguyễn Văn Công	Nam	001092028100	09/10/2020	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
151	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	017175719	17/5/2010	CA. TP Hà Nội
152	Bùi Thị Thủy	Nữ	113384562	12/6/2013	CA. Tỉnh Hòa Bình
153	Vì Thị Nhung	Nữ	050367052	07/01/2019	CA. Tỉnh Sơn La
154	Nguyễn Văn Đạt	Nam	001200018725	10/9/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
155	Nguyễn Đức Thao	Nam	001084028829	04/12/2018	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
156	Vũ Hoàng Oanh	Nam	001090030648	08/01/2019	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
157	Nguyễn Văn Nghĩa	Nam	022087000927	28/4/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
XVII	Công ty TNHH Hoàng Lộc Số 255 phố Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội				
158	Phạm Tuyết Anh	Nữ	036153000021	29/10/2013	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
159	Nguyễn Thị Sửu	Nữ	011567607	11/5/2005	CA. TP Hà Nội
160	Trịnh Thị Nhung	Nữ	112125651	28/5/2004	CA. TP Hà Nội
161	Phạm Thị Mai	Nữ	013177449	11/4/2009	CA. TP Hà Nội
162	Dương Thời Thành	Nam	082317646	10/3/2014	CA. Tỉnh Lạng Sơn